

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 123/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018, giữa:

- Người yêu cầu: **Ông Trần Hữu T**; sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 20, khu phố P, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

- Người yêu cầu: **Bà Trần Thị Thu TH**; sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ 20, khu phố P, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 15 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 15 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Hữu T và bà Trần Thị Thu TH.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Trần Hữu T và bà Trần Thị Thu TH xác định có 02 (Hai) người con chung tên Trần Lê M – sinh năm 1990 và Trần Lê Thanh N – sinh ngày 05/8/2000.

Ông T và bà TH thống nhất xác định người con chung tên Trần Lê M đã trưởng thành, có khả năng tự lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nguyện vọng của cháu N, ông T và bà TH thống nhất thỏa thuận giao cháu Trần Lê Thanh N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà TH không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông T và bà TH thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T và bà TH thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí thuận tình ly hôn: Ông T và bà TH phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*); khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004632 ngày 02/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện ĐKKH;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Huỳnh Kim Yên